HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

A/ NỘI DUNG ÔN TẬP:

Phần 1: Lý thuyết:

I. Khái niệm và mục đích *đọc hiểu văn bản:*

a/ Khái niệm:

Đọc là một hoạt động của con người, dùng mắt để nhận biết các kí hiệu và chữ viết, dùng trí óc để tư duy và lưu giữ những nội dung mà mình đã đọc và sử dụng bộ máy phát âm phát ra âm thanh nhằm truyền đạt đến người nghe.

Hiểu là phát hiện và nắm vững mối liên hệ của sự vật, hiện tượng, đối tượng nào đó và ý nghĩa của mối quan hệ đó. Hiểu còn là sự bao quát hết nội dung và có thể vận dụng vào đời sống. Hiểu là phải trả lời được các câu hỏi Cái gì? Như thế nào? Làm thế nào?

Đọc hiểu là đọc kết hợp với sự hình thành năng lực giải thích, phân tích, khái quát, biện luận đúng- sai về logic, nghĩa là kết hợp với năng lực, tư duy và biểu đạt.

b/ Mục đích:

Trong tác phẩm văn chương, đọc hiểu là phải thấy được:

+ Nội dung của văn bản.

+ Mối quan hệ ý nghĩa của văn bản do tác giả tổ chức và xây dựng.

+ Ý đồ, mục đích?

+ Thấy được tư tưởng của tác giả gửi gắm trong tác phẩm.

+ Giá trị đặc sắc của các yếu tố nghệ thuật.

+ Ý nghĩa của từ ngữ được dùng trong cấu trúc văn bản.

+ Thể loại của văn bản? Hình tượng nghệ thuật?

II, Phong cách chức năng ngôn ngữ:

Yêu cầu:

- Nắm được có bao nhiêu loại?

- Khái niệm.

- Đặc trưng.

- Cách nhận biết.

1. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

- **Khái niệm**: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt là phong cách được dùng trong giao tiếp sinh hoạt hằng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp không mang tính nghi thức, dùng để thông tin ,trao đổi ý nghĩ, tình cảm….đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống.

- Đặc trưng:

+ Giao tiếp mang tư cách cá nhân.

+ Nhằm trao đổi tư tưởng, tình cảm của mình với người thân, bạn bè, hàng xóm, đồng nghiệp.

- Nhận biết:

+ Gồm các dạng: Chuyện trò, nhật kí, thư từ.

+ Ngôn ngữ: Khẩu ngữ, bình dị, suồng sã, địa phương.

2. Phong cách ngôn ngữ khoa học:

- Khái niệm:

+ Là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học.

+ Là phong cách ngôn ngữ đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu.

- Đặc trưng

+ Chỉ tồn tại chủ yếu ở môi trường của những người làm khoa học.

+ Gồm các dạng: khoa học chuyên sâu; Khoa học giáo khoa; Khoa học phổ cập.

+ Có 3 đặc trưng cơ bản: (Thể hiện ở các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ, câu, đoạn văn, văn bản).

a/ Tính khái quát, trừu tượng.

b/ Tính lí trí, lô gíc.

c/ Tính khách quan, phi cá thể.

3. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

- **Khái niệm:** Là loại phong cách ngôn ngữ được dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực văn chương (Văn xuôi nghệ thuật, thơ, kich).

- Đặc trưng:

+ Tính thẩm mĩ.

+ Tính đa nghĩa.

+ Thể hiện dấu ấn riêng của tác giả.

4. Phong cách ngôn ngữ chính luận:

- **Khái niệm**: Là phong cách ngôn ngữ được dùng trong những văn bản trực tiếp bày tỏ tư tưởng, lập trường, thái độ với những vấn đề thiết thực, nóng bỏng của đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, xã hội.

- **Mục đích:** Tuyên truyền, cổ động, giáo dục, thuyết phục người đọc, người nghe để có nhận thức và hành động đúng.

- Đặc trưng:

+ Tính công khai về quan điểm chính trị: Rõ ràng, không mơ hồ, úp mở.

Tránh sử dụng từ ngữ mơ hồ chung chung, câu nhiều ý.

+ Tính chặt chẽ trong biểu đạt và suy luận: Luận điểm, luận cứ, ý lớn, ý nhỏ, câu đoạn phải rõ ràng, rành mạch.

+ Tính truyền cảm, thuyết phục: Ngôn từ lôi cuốn để thuyết phục; giọng điệu hùng hồn, tha thiết, thể hiện nhiệt tình và sáng tạo của người viết.

5. Phong cách ngôn ngữ hành chính:

- Khái niệm:

+ Là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính.

+ Là giao tiếp giữa nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác.

- Đặc trưng: Phong cách ngôn ngữ hành chính có 2 chức năng:

+ Chức năng thông báo: thể hiện rõ ở giấy tờ hành chính thông thường. ***VD****: Văn bằng, chứng chỉ các loại, giấy khai sinh, hóa đơn, hợp đồng,…*

+ Chức năng sai khiến: bộc lộ rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản của cấp trên gửi cho cấp dưới, của nhà nước đối với nhân dân, của tập thể với các cá nhân.

6. Phong cách ngôn ngữ báo chí (thông tấn):

- Khái niệm: Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ dùng để thong báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

+ Là phong cách được dùng trong lĩnh vực thông tin của xã hội về tất cả những vấn đề thời sự: (thông tấn có nghĩa là thu thập và biên tập tin tức để cung cấp cho các nơi).

Một số thể loại văn bản báo chí:

+ Bản tin: Cung cấp tin tức cho người đọc theo 1 khuôn mẫu: Nguồn tin- Thời gian- Địa điểm- Sự kiện- Diễn biến-Kết quả.

+ Phóng sự: Cung cấp tin tức nhưng mở rộng phần tường thuật chi tiết sự kiện, miêu tả bằng hình ảnh, giúp người đọc có 1 cái nhìn đầy đủ, sinh động, hấp dẫn.

+ Tiểu phẩm: Giọng văn thân mật, dân dã, thường mang sắc thái mỉa mai, châm biếm nhưng hàm chứa 1 chính kiến về thời cuộc.

II, Phương thức biểu đạt:

Yêu cầu:

- Nắm được có bao nhiêu phương thức biểu đạt (6).

- Nắm được:

+ Khái niệm.

+ Đặc trưng của từng phương thức biểu đạt.

1. Tự sự (kể chuyện, tường thuật):

- Khái niệm: Tự sự là kể lại, thuật lại sự việc, là phương thức trình bày 1 chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng kết thúc thể hiện 1 ý nghĩa.

- Đặc trưng:

+ Có cốt truyện.

+ Có nhân vật tự sự, sự việc.

+ Rõ tư tưởng, chủ đề.

+ Có ngôi kể thích hợp.

2. Miêu tả.

- Miêu tả là làm cho người đọc, người nghe, người xem có thể thấy sự vật, hiện tượng, con người (Đặc biệt là thế giới nội tâm) như đang hiện ra trước mắt qua ngôn ngữ miêu tả.

*** Biểu cảm**: Là bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.

*** Nghị luận**: Là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải, trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết.

***Thuyết minh**: Được sử dụng khi cần cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về 1 sự vật, hiện tượng nào đó cho người đọc, người nghe.

- Đặc trưng:

Các luận điểm đưa đúng đắn, rõ ràng, phù hợp với đề tài bàn luận.

Lý lẽ và dẫn chứng thuyết phục, chính xác, làm sáng tỏ luận điểm .

Các phương pháp thuyết minh:

+ Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích.

+ Phương pháp liệt kê.

+ Phương pháp nêu ví dụ, dùng con số.

+ Phương pháp so sánh.

+ Phương pháp phân loại, phân tích.

3. Hành chính – công vụ:

- Văn bản thuộc phong cách hành chính công vụ là văn bản điều hành xã hội, có chức năng xã hội. Xã hội được điều hành bằng luật pháp, văn bản hành chính.

- Văn bản này qui định, ràng buộc mối quan hệ giữa các tổ chức nhà nước với nhau, giữa các cá nhân với nhau trong khuôn khổ hiến pháp và các bộ luật văn bản pháp lý dưới luật từ trung ương tới địa phương.

III Phương thức trần thuật:

- Trần thuật từ ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện (Lời trực tiếp)

- Trần thuật từ ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu mình.

- Trần thuật từ ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu minh, nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọnh điệu của nhân vật trong tác phẩm (Lời nửa trực tiếp)

IV. Phép liên kết: Thế - Lặp – Nối- Liên tưởng – Tương phản – Tỉnh lược…

V. Nhận diện những biện pháp nghệ thuật trong văn bản và tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó với việc thể hiện nội dung văn bản.

Giáo viên cần giúp HS ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ từ vựng và các biện pháp nghệ thuật khác:

- So sánh; Ẩn dụ; Nhân hóa; Hoán dụ; Nói quá - phóng đại - thậm xưng; Nói giảm - nói tránh; Điệp từ - điệp ngữ; Tương phản - đối lập; Phép liệt kê; Phép điệp cấu trúc; Câu hỏi tu từ; Cách sử dụng từ láy…

- Có kĩ năng nhận diện các biện pháp tu từ được sử dụng trong 1 văn bản thơ hoặc văn xuôi và phân tích tốt giá trị của việc sử dụng phép tu từ ấy trong văn bản.

VI. Các hình thức lập luận của đoạn văn: Diễn dịch; Song hành; Qui nạp…

VII. Các thể thơ:

Đặc trưng của các thể loại thơ: Lục bát; Song thất lục bát; Thất ngôn; Thơ tự do; Thơ ngũ ngôn, Thơ 8 chữ…

Phần 2: Luyện tập thực hành

I. Gợi ý về 1 số các tác phẩm trong chương trình lớp 11: GV *Gợi ý ôn tập theo hệ thống câu hỏi sau:*

1. "Xin lập khoa luật" (Trích *Tế cấp bát điều* - Nguyễn Trường Tộ):

- Bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ có nội dung gì?

- Nội dung đó được thể hiện như hế nào?

- Thái độ của người viết về vấn đề đó?

- Đặt trong hoàn cảnh xã hội, bản điều trần đó nhằm mục đích gì?

2. "*Về luân lý xã hội ở nước ta*" (Trích *Đạo đức và luân lý Đông Tây*- Phan Châu Trinh)

- Bài diễn thuyết của Phan Châu Trinh có nội dung gì?

- Nội dung đó được thể hiện như thế nào?

- Thái độ của người viết về vấn đề đó?

- Đặt trong hoàn cảnh xã hội, bài diễn thuyết của tác giả nhằm mục đích gì?

3. Trong đọan văn:

"*Tiếng nói là người bảo vệ qúi báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của Châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đè thời gian. Bất cứ người An Nam nào vứt bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hi vọnh giải phóng giống nòi….Vì thế, đối với người An Nam chúng ta, chối từ tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối sự tự do của mình…"* (Trích "*Tiếng mẹ đẻ - Nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức"*- Nguyễn An Ninh)

a/ Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Của ai?

b/ Nội dung cơ bản của đoạn trích là gì?

c/ Đoạn trích được diễn đạt theo phương thức nào?

d/ Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?

4. Đoạn trích:

"*Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vẳng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tương xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột phân gián.*

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sang đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên bà ái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, làm họ dụi mắt lia lịa.

Một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực…".

a/ Đoạn văn trích trong tác phẩm nào? Của ai? Mô tả cảnh tượng gì?

b/ Cảnh tượng có hàm chứa nhiều yếu tố tương phản? Đó là yếu tố gì?

c/ Đoạn văn được trình bày theo phương thức nào?

II. Gợi ý một số tác phẩm trong chương trình văn học lớp 12:

"*Tuyên ngôn độc lập*" – Hồ Chí Minh

a/ Hoàn cảnh ra đời? Mục đích sáng tác?

b/ Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?

Cho đoạn văn:

"*Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ song hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích ngày xưa*".

a/ Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?

b/ Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

c/ Xác định phương thức biểu đạt?

Trong "*Đàn ghi ta của Lorca*" của Thanh Thảo:

a/ Việc những chữ đầu các câu thơ không viết hoa có dụng ý nghệ thuật gì?

b/ Tìm và phân tích ý nghĩa biểu đạt của hai hình tượng *cây đàn* và *Lorca?*

c/ Thủ pháp nghệ thuật chính để khắc họa hai hình tượng *cây đàn* và *Lorca*?

III/ Luyện tập phần đọc hiểu với các văn bản ngoài sách giáo khoa:

***Ngữ liệu** được dùng có thể là một bài thơ, một trích đoạn bài báo hoặc một lời nói, lời nhận xét của tác giả nào đó về một sự việc, sự kiện.

***Cách thức ra đề:**

- Sẽ cố tình viết sai chính tả, sai cấu trúc ngữ pháp và yêu cầu học sinh sửa lại cho đúng.
- Xác định hình thức ngôn ngữ biểu đạt, phương thức liên kết trong ngữ liệu.
- Ý nghĩa của một chữ, một hình ảnh nào đó trong ngữ liệu đưa ra?
- Nêu ý nghĩa nhan đề? (Hoặc hãy đặt tên cho đoạn trích).
- Nhận xét mối quan hệ giữa các câu? Từ mối quan hệ ấy chỉ ra nội dung của đoạn?
- Từ một hoặc hai câu nào đó trong ngữ liệu, yêu cầu viết 200 từ xung quanh nội dung ấy?
- Nêu nội dung của văn bản? Nội dung ấy chia thành mấy ý?
- Nếu là thơ:

+ Xác định thể thơ, cách gieo vần?

+ Biện pháp nghệ thuật được sử dụng? Giá trị biểu đạt của biện pháp nghệ thuật ấy?

+ Cảm nhận về nhân vật trữ tình?

+ Hiểu như thế nào về một câu thơ trong văn bản?

- Nếu là văn xuôi:

+ Đưa ra nhiều nhan đề khác nhau, yêu cầu học sinh chọn một nhan đề và nêu ý nghĩa?

+ Chỉ ra các phép liên kết? Biện pháp nghệ thuật để biểu đạt nội dung?

***Một số ví dụ:**

1. Trong bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trước phiên thảo luận cấp cao của Đại Hội đồng LHQ khóa 68 có đoạn:

"*Thưa quý vị! Đã phải trải qua những cuộc chiến tranh ngoại xâm tàn bạo và đói nghèo cùng cực nên khát vọng hòa bình và thịnh vượng của Việt Nam chúng tôi càng cháy bỏng. Chúng tôi luôn nỗ lực tham gia kiến tạo hòa bình, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh của chúng ta. Việt Nam đã sẵn sàng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ. Chúng tôi sẵn lòng đóng góp nguồn lực, dù còn nhỏ bé, như sự tri ân đối với bạn bè quốc tế đã giúp chúng tôi giành và giữ độc lập, thống nhất đất nước, thoát khỏi đói nghèo. Việt Nam đã và sẽ mãi mãi là một đối tác tin cậy, một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế…*".

a/ Xác định phong cách ngôn ngữ chức năng của đoạn văn?

b/ Phương thức liên kết?

c/ Hãy đặt tiêu đề cho đoạn văn?

Trong đoạn văn:

"*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước*". (Hồ Chí Minh – *"Tinh thần yêu nước của nhân dân ta")*

a/ Nội dung của đoạn văn?

b/ Phương thức trình bày? Phong cách ngôn ngữ chức năng được sử dụng trong đoạn?

c/ Thái độ, quan điểm chính trị của Bác?

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

"Chứng kiến sự ra đi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chứng kiến những dòng chảy yêu thương của dân tộc giành cho Đại tướng, rất nhiều người bày tỏ sự xúc động sâu sắc. Thượng tá Dương Việt Dũng chia sẻ: "Sự ra đi của Đại tướng là một mất mát lớn lao đối với gia đình và nhân dân cả nước. Nhưng qua đây, tôi cũng thấy mừng là những người đến viếng Đại tướng không chỉ có những cựu chiến binh mà rất đông thế hệ trẻ, có không ít những em còn rất nhỏ cũng được gia đình đưa đi viếng… Có nhiều cụ già yếu cũng đến, cả những người đi xe lăn cũng đã đến trong sự thành kính. Chưa khi nào tôi thấy người ta thân ái với nhau như vậy.". (Theo Dân trí)

a/ Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

b/ Nội dung của văn bản trên? Hãy đặt tên cho văn bản?

c/ Viết bài nghị luận xã hội về bản tin trên (không quá 600 từ).

Phần 3: Một số đề mẫu và hướng dẫn cách giải:

I/ Đề 1: Đọc đoạn văn và trả lời cho câu hỏi ở dưới:

"Tnú không cứu sống được vợ, được con. Tối đó, Mai chết. Còn đứa con thì đã chết rồi. Thằng lính to béo đánh một cây sắt vào ngang bụng nó, lúc mẹ nó ngã xuống, không kịp

che cho nó. Nhớ không, Tnú, mày cũng không cứu sống được vợ mày. Còn mày thì bị chúng nó bắt, mày chỉ có hai bàn tay trắng, chúng nó trói mày lại. Còn tau thì lúc đó tau đứng sau gốc cây vả. Tau thấy chúng nó trói mày bằng dây rừng. Tau không nhảy ra cứu mày. Tau cũng chỉ có hai bàn tay không. Tau không ra, tau quay đi vào rừng, tau đi tìm bọn thanh niên. Bọn thanh niên thì cũng đã đi vào rừng, chúng nó đi tìm giáo mác. Nghe rõ chưa, các con, rõ chưa? Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu: Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!...".

1/ Đoạn văn trích trong tác phẩm nào? Của ai?

(Trích trong "Rừng xà nu" – Nguyễn Trung Thành).

2/ Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn văn?

(Phong cách ngôn ngữ của đoạn văn là phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (khẩu ngữ)).

3/ Câu nói "*Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo*!" có ý nghĩa gì?

(Câu nói của cụ Mết – già làng – là câu nói được đúc rút từ cuộc đời bi tráng của Tnú và từ thực tế đấu tranh của đồng bào Xô Man nói riêng và dân tộc Tây Nguyên nói chung: giặc đã dùng vũ khí để đàn áp nhân dân ta thì ta phải dùng vũ khí để đáp trả lại chúng.

- Thực tế, khi chưa cầm vũ khí đánh giặc, dân làng Xô Man chịu nhiều mất mát: anh Xút bị giặc treo cổ, bà Nhan bị chặt đầu, mẹ con Mai bị giết bằng trận mưa roi sắt, Tnú bị đốt cụt mười đầu ngón tay… Vì vậy con đường cầm vũ khí đánh trả kẻ thù là tất yếu.).

II/ Đề 2: Cho đoạn thơ:

"*Chỉ có thuyền mới hiểu*
Biển mênh mông nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu

Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau – rạn vỡ".

(Xuân Quỳnh – "*Thuyền và biển")*

1/ Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào? Thể thơ đó có tác dụng ra sao trong việc diễn đạt nội dung đoạn thơ?

(- Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ ngũ ngôn.

- Tác dụng: diễn đạt rất nhịp nhàng âm điệu của song biển cũng như sóng long của người đang yêu.)

2/ Nội dung của hai đoạn thơ trên là gi?

(Tình yêu giữa thuyền và biển cùng những cung bậc trong tình yêu).

3/ Nêu biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng? Tác dung?

(- Biện pháp nghệ thuật được nhà thơ sử dụng nhiều nhất là ẩn dụ: Thuyền – Biển tượng trưng cho tình yêu của chàng trai và cô gái. Tình yêu ấy nhiều cung bậc, khi thương nhớ mênh mông, cồn cào da diết, bâng khuâng…

- Biện pháp nghệ thuật nữa được sử dụng là nhân hóa. Biện pháp này gắn cho những vật vô tri những trạng thái cảm xúc giúp người đọc hình dung rõ hơn tâm trạng của đôi lứa khi yêu.).

III/ Đề 3: Đọc kĩ bài thơ sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

Trăng nở nụ cười

Đâu Thị Nở, đâu Chí Phèo
Đâu làng Vũ Đại đói nghèo Nam Cao
Vẫn vườn chuối gió lao xao
Sông Châu vẫn chảy nôn nao mạn thuyền
Ả ngớ ngẩn
Gã khùng điên
Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người
Vườn sông trăng nở nụ cười
Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau
Giữa đời vàng lẫn với thau
Lòng tin còn chút về sau để dành
Tình yêu nên vị cháo hành
Đời chung bát vỡ thơm lành lứa đôi.

(Lê Đình Cánh)

1/ Xác định thể thơ? Cách gieo vần?

(Thể thơ lục bát; vần chân và vần lưng).

2/ Bài thơ giúp em liên tưởng đến tác phẩm nào đã học trong chương trình phổ thông?

(Đoạn thơ giúp liên tưởng tới truyện ngắn "Chí Phèo" của Nam Cao).

3/ Câu thơ: *"Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người"* có ý nghĩa gì? Liên hệ với nhân vật chính trong tác phẩm mà em vừa liên hệ ở câu 2.

(Câu thơ cho thấy tình yêu có sức mạnh cảm hóa con người và làm cho con người trở nên thực sự trở nên người hơn. Trong tương quan với "Chí Phèo" của Nam Cao, câu thơ của Lê Đình Cánh cho thấy sức mạnh tình yêu với biểu tượng bát cháo hành mà Thị Nở dành

cho Chí đã khiến phần Người ngủ quên tronng hắn bao lâu nay thức sự thức tỉnh. Chí không còn là một con quỷ dữ mà đã khao khát quay về làm người lương thiện nhờ cảm nhận được hương vị của tình yêu).

4/ Vị cháo hành được nhắc đến trong hai câu thơ cuối là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong một tác phẩm của Nam Cao. Hãy nêu ý nghĩa của hai câu thơ này với chi tiết nghệ thuật ấy?

("Bát cháo hành" là chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm "Chí Phèo" của nhà văn Nam Cao với các lớp nghĩa:

- Nghĩa cụ thể: Một cách chữa cảm, giải độc trong dân gian.

- Nghĩa liên tưởng: Biểu hiện của sự yêu thương, chăm sóc ân cần; Biểu hiện của tình người; Một ẩn dụ về tình yêu thương đưa Chí Phèo từ quỷ dữ trở về với xã hội lương thiện, chứng minh cho chân lí: "Chỉ có tình thương mới có thể cứu rỗi cho những linh hồn khổ hạnh.").

Một số bài tập và gợi ý tham khảo.

I/ Văn bản được học trong chương trình *(Có thể sẽ ít gặp trong kì thi THPT quốc gia năm 2015)*

Bài 1: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

- Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn
- Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

(Trích "*Việt Bắc*" – Tố Hữu)

1. Văn bản trên được được tổ chức theo hình thức nào? Văn bản nói về nội dung gì?

2. Nội dung đó được thể hiện thông qua việc sử dụng từ ngữ, kiểu câu như thế nào?

3. Văn bản đã sử dụng thành công các biện pháp tu từ cơ bản nào? Nêu tác dụng cụ thể của các phép tu từ trên

4. Hãy đặt tiêu đề cho văn bản trên.

Gợi ý:

- Văn bản trên được tổ chức theo hình thức đối đáp giữa người đi và kẻ ở.

- Nội dung nói về sự băn khoăn, lưu luyến, bịn rịn của con người trong buổi chia tay.

- Sự băn khoăn, lưu luyến, bịn rịn ấy được thể hiện rất rõ thông qua việc sử dụng các từ láy bộc lộ tâm trạng con người như: *bâng khuâng, bồn chồn* và việc sử dụng các câu hỏi tu từ với từ (*Mình về mình có nhớ ta, mình về mình có nhớ không)*. Hỏi nhưng không chỉ đề hỏi mà còn là để gợi nhắc những kỉ niệm gắn bó.

- Văn bản đã sử dụng thành công phép tu từ hoán dụ và im lặng

+ Hoán dụ: *Áo chàm* được dùng để chỉ người đưa tiễn. Qua hình ảnh này ta hiểu được tính chất của cuộc chia tay. Đó là cuộc chia tay lớn, cuộc chia tay lịch sử. Trong cuộc chia tay này, không phải chỉ có một người, hai người đưa tiễn mà là cả Việt Bắc bao gồm nhân dân sáu tỉnh Cao – Bắc – Lạng; Hà – Tuyên – Thái và cả thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc tiễn đưa người đi, cán bộ kháng chiến.

+ Phép tu từ im lặng (dấu chấm lửng) ở cuối câu có (Khoảng lặng cảm xúc) tác dụng diễn tả phút ngừng lặng, trùng xuống của một cuộc chia tay đầy xúc động, bâng khuâng, tay trong tay mà không nói lên lời. Khoảng lặng cảm xúc gợi cảm hứng, gợi cảm xúc đánh thức tâm hồn con người.

- Tên văn bản: Cuộc chia tay lịch sử, cảnh chia tay.

<u>Bài 2</u>: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(Trích "*Tây Tiến*" – Quang Dũng)

1. Văn bản trên được viết theo thể thơ gì?

2. Nêu nội dung cơ bản của văn bản

3. Văn bản có sử dụng rất nhiều từ Hán Việt, anh/ chị hãy liệt kê những từ ngữ đó và nêu tác dụng của chúng.

4. Chỉ ra phép tu từ nói giảm được sử dụng trong văn bản và nêu tác dụng của phép tu từ đó.

<u>Gợi ý:</u>

- Văn bản trên được viết theo thể thơ thất ngôn.

- Văn bản tập trung khắc họa chân dung người chiến binh Tây Tiến (ngoại hình, tâm hồn, lí tưởng, sự hi sinh)

- Những từ Hán Việt được sử dụng là: đoàn binh, biên giới, chiến trường, biên cương, viễn xứ, áo bào, độc hành. Việc sừ dụng những từ Hán Việt ở đây đã tạo ra sắc thái trang trọng, mang ý nghĩa khái quát, làm tôn thêm vẻ đẹp của người lính Tây Tiến, góp phần tạo ra vẻ đẹp hào hùng cho hình tượng.

- Phép tu từ nói giảm dược thể hiện trong câu thơ: "*Áo bào thay chiếu anh về đất"*. Cụm từ "*về đất*" được thay thế cho sự chết chóc, hi sinh. Phép tu từ này có tác dụng làm giảm sắc thái bi thương cho cái chết của người lính Tây Tiến. Người lính Tây Tiến ngã xuống thật thanh thản, nhẹ nhàng. Đó là cuộc trở về với đất mẹ và đất mẹ đã dang rộng vòng tay đón những đứa con yêu vào lòng.

Bài 3: Đọc và trả lời các câu sau

Đất Nước (Nguyễn Đình Thi)

Mùa thu nay khác rồi

Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi

Gió thổi rừng tre phấp phới

Trời thu thay áo mới

Trong biếc nói cười thiết tha

Trời xanh đây là của chúng ta

Núi rừng đây là của chúng ta

Những cánh đồng thơm mát

Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Nước chúng ta, nước những người chưa bao giờ khuất

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những buổi ngày xưa vọng nói về

1. Nêu nội dung đoạn thơ? Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì?

2. Trong ba dòng thơ "*Gió thổi rừng tre phấp phới/ Trời thu thay áo mới/ Trong biếc nói cười thiết tha"*, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

3. Đoạn thơ từ câu "*Trời xanh đây là của chúng ta*" đến câu "*Những buổi ngày xưa vọng nói về"* có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ. Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ đó.

4. Cả đoạn thơ cho ở đề bài tập trung miêu tả hình ảnh gì? Hình ảnh đó hiện ra như thế nào?

5. Hãy ghi lại cảm xúc của nhà thơ mà em cảm nhận được qua đoạn thơ trên.

6. Chữ "*khuất"* trong câu thơ "*Nước chúng ta, nước những người chưa bao giờ khuất*" có ý nghĩa gì?

Gợi ý:

1. Thể hiện niềm vui sướng hân hoan khi mùa thu cách mạng tháng 8/1945 thành công Việt Bắc cái nôi của CM Việt nam được giải phóng .Thể thơ tự do

2. Biện pháp tu từ nhân hóa. Tác dụng: miêu tả sinh động, chân thực hình ảnh đất trời vào thu: sắc trời mùa thu trong xanh, gió thu lay động cành lá khiến lá cây xào xạc như tiếng reo vui, tiếng nói cười. Đó là một hình ảnh đất nước mới mẻ, tinh khôi, rộn rã sau ngày giải phóng.

3. Tác dụng của phép tu từ điệp ngữ: cụm từ "*của chúng ta*", "*chúng ta*" được nhắc lại nhiều lần trong đoạn thơ nhằm khẳng định, nhấn mạnh quyền làm chủ đất nước của dân tộc ta.

4. Cả đoạn thơ tập trung miêu tả hình ảnh đất nước. Qua đoạn thơ, hình ảnh đất nước hiện ra sinh động, chân thực, gần gũi. Đó là một đất nước tươi đẹp, rộng lớn, màu mỡ, phì nhiêu, tràn đầy sức sống.

5. Cảm xúc của nhà thơ: yêu mến, tự hào về đất nước.

6. Chữ "*khuất*" trong câu thơ "*Nước chúng ta, nước những người chưa bao giờ khuất"* trước hết được hiểu với ý nghĩa là mất đi, là khuất lấp. Với ý nghĩa như vậy, câu thơ ngợi ca những người đã ngã xuống dâng hiến cuộc đời cho đất nước sẽ ngàn năm vẫn sống mãi với quê hương. Chữ "*khuất*" còn được hiểu là bất khuất, kiên cường. Với ý nghĩa này, câu thơ thể hiện thái độ tự hào về dân tộc. Dân tộc Việt Nam bất khuất, kiên cường, chưa bao giờ khuất phục trước kẻ thù

Câu 4: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, lừa lọc, tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ.

(Trích "*Chữ người tử tù"* – Nguyễn Tuân)

1. Văn bản trên nói về điều gì?

2. Văn bản đã sử dụng thành công biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của phép tu từ đó?

Gợi ý:

- Văn bản trên nói về vẻ đẹp phẩm chất, tính cách và tâm hồn của nhân vật quản ngục

- Văn bản đã sử dụng thành công thủ pháp tu từ so sánh: tính cách dịu dàng, lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quản ngục được ví như một âm thanh trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ. Hình ảnh so sánh này có ý nghĩa gợi dậy ở người đọc sự hình dung khái quát nhất về hoàn cảnh và phẩm chất của nhân vật quản ngục. Đây là hình ảnh súc tích, tạo ra sự đối lập sắc nét giữa trong và đục, thuần khiết và ô trọc, cao quý và thấp hèn, giữa cá thể nhỏ bé, mong manh với thế giới hỗn tạp, xô bồ. Nó là một hình ảnh so sánh hoa mĩ, đắt giá, gây ấn tượng mạnh, thể hiện sự khái quát nghệ thuật sắc sảo, tinh tế, có ý nghĩa làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn nhân vật.

<u>Câu 5</u>: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: "chắc nó trừ mình ra!". Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này? A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa chết mẹ nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có trời mà biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết…

(Trích "*Chí Phèo*" – Nam Cao).

1. Văn bản trên nói về điều gì?

2. Tác giả đã sử dụng những kiểu câu nào?

3. Trong văn bản trên, Chí Phèo đã chửi những ai? Tiếng chửi của Chí có ý nghĩa gì?

4. Đặt tiêu đề cho văn bản trên.

<u>Gợi ý:</u>

- Văn bản trên nói về tiếng chửi của Chí Phèo, một thằng say rượu.

- Tác giả đã sừ dụng rất nhiều kiểu câu khác nhau: Câu trần thuật (câu kể, câu miêu tả), câu hỏi (câu nghi vấn), câu cảm thán.

- Chí Phèo chửi trời, chửi đời, chửi cả làng Vũ Đại, chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn, chửi đứa chết mẹ nào đã đẻ ra thân hắn. Tiếng chửi của Chí Phèo đã tạo ra một màn ra mắt độc đáo cho nhân vật, gợi sự chú ý đặc biệt của người đọc về nhân vật. Tiếng chửi ấy vừa gợi ra một con người tha hóa đến độ lại vừa hé lộ bi kịch lớn nhất trong cuộc đời nhân vật này. Chí dường như đã bị đẩy ra khỏi xã hội loài người. Không ai thèm quan tâm, không ai thèm ra điều. Chí khao khát được giao hòa với đồng loại, dù là bằng cách tồi tệ nhất là mong được ai đó chửi vào mặt mình, nhưng cũng không được.

Đọc – hiểu văn bản ngoài chương trình

<u>Câu 1</u>: Đọc bài ca dao sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới

Thương thay thân phận con tằm
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.
Thương thay con kiến li ti
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
Thương thay hạc lánh đường mây
Chim bay mỏi cánh biết ngày nào thôi.
Thương thay con quốc giữa trời

Dầu kêu ra máu có người nào nghe.

1. Bài ca dao có những hình ảnh gì? Được khắc họa như thế nào? Có những đặc điểm gì chung.

2. Tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu ý tác dụng của việc sử dụng phép tu từ đó.

3. Chủ đề của bài ca dao là gì?

4. Anh, chị hãy đặt nhan đề cho bài ca dao trên.

Gợi ý:

- Bài ca dao có hình ảnh sau: con tằm, con kiến, chim hạc, con quốc. Những hình ảnh này được khắc họa qua hành động hàng ngày của chúng (tằm – nhả tơ; kiến – tha mồi, chim hạc – bay, quốc kêu…). Những hình ảnh con vật này đều có chung những đặc điểm là nhỏ bé, yếu ớt nhưng siêng năng, chăm chỉ và cần mẫn.

- Tác giả dân gian đã sử dụng thành công phép điệp ngữ và ẩn dụ. Việc lặp đi lặp lại cấu trúc than thân "thương thay" đi liền với những hình ảnh và hoạt động hàng ngày của các hình tượng (tằm, kiến, hạc, quốc), và phép tu từ ẩn dụ: dùng hình ảnh những con vật nhỏ bé, yếu ớt nhưng chăm chỉ, siêng năng để nói về những người dân lao động thấp cổ, bé họng, đã giúp người bình dân xưa nhấn mạnh vào nỗi bất hạnh, phải chịu nhiều áp bức, bất công, bị bóc lột một cách tàn nhẫn của người lao động nghèo trong xã hội cũ.

- Chủ đề của bài ca dao: Nỗi thống khổ, thân phận của người nông dân trong xã hội cũ.

- Nhan đề: ca dao than thân, khúc hát than thân.

Câu 2: Đọc đoạn thơ và thực hiện những yêu cầu sau:

"…Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mênh mông nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu
Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau - rạn vỡ
Nếu từ giã thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió
Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố!"…

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì?

2. Em hãy nêu chủ đề - ý nghĩa của đoạn thơ?

3. Trong đoạn thơ hình ảnh ***thuyền*** và ***biển*** được sử dụng là nghệ thuật gì ? Có ý nghĩa như thế nào?

4. Hãy đặt tên cho nhan đề của đoạn thơ.

5. Hình ảnh ***biển bạc đầu*** trong câu thơ "***Biển bạc đầu thương nhớ***" có ý nghĩa gì?

6. Biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn thơ trên là biện pháp nào? Tác dụng của biện pháp đó?

Gợi ý:

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì? *Thể thơ 5 chữ.*

2. Em hãy nêu chủ đề - ý nghĩa của đoạn thơ?

Đoạn thơ với hình tượng thuyền và biển gợi lên một tình yêu tràn trề, mênh mông với nỗi nhớ da diết nhưng cũng đầy lo âu, khắc khoải của cái tôi thi sĩ đầy cảm xúc.

3. Trong đoạn thơ hình ảnh ***thuyền*** và ***biển*** được sử dụng là nghệ thuật gì ? Có ý nghĩa như thế nào?

*Bằng nghệ thuật ẩn dụ mượn hình tượng **thuyền** và **biển** thể hiện tình cảm của đôi lứa yêu nhau- thuyền (người con trai) biển (người con gái) -> Nổi bật một tình yêu ngọt ngào, da diết, mãnh liệt nhưng sâu sắc và đầy nữ tính.*

4. Hãy đặt tên cho nhan đề của đoạn thơ.

Thuyền và biển/ nỗi nhớ / ...

5. Hình ảnh **biển bạc đầu** trong câu thơ "***Biển bạc đầu thương nhớ***" có ý nghĩa gì?

Cách nói hình tượng, Tg đã diễn tả nỗi nhớ thiết tha, nỗi nhớ được dựng lên bởi một thời gian bất thường và cụ thể hóa được nỗi nhớ thương: *biển bạc đầu vì thương nhớ, biển thương nhớ cho đến nỗi bạc cả đầu, biển đã bạc đầu mà vẫn còn thương còn nhớ như thuở đôi mươi.*

6. Biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn thơ trên là biện pháp nào? Tác dụng của biện pháp đó ?

Biện pháp lặp cú pháp "*Những ngày không gặp nhau/ Biển chỉ còn sóng gió -*

Em chỉ còn bão tố!"... -> Khẳng định sự thủy chung trong nỗi nhớ qua thời gian.

Câu 3: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

Có con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng nọ. Xung quanh chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hàng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể. Một năm nọ, trời mưa to làm nước dềnh lên, tràn bờ, đưa ếch ra ngoài. Quen thói cũ... nó nhâng nháo đưa mắt lên nhìn bầu trời chả thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

1. Văn bản trên thuộc loại truyện gì?

2. Khi sống dưới giếng ếch như thế nào? Khi lên bờ ếch như thế nào?

3. Ếch là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho ai? Bầu trời và giếng tượng trưng cho điều gì?

4. Câu chuyện trên để lại cho anh, chị bài học gì?

Gợi ý:

- Văn bản trên thuộc loại truyện ngụ ngôn.

- Khi sống dưới giếng ếch thấy trời chỉ là cái vung con mình là chúa tể. Khi lên bờ ếch nhâng nháo nhìn trời và bị trâu dẫm bẹp

- Ếch tượng trưng cho con người. Giếng, bầu trời tượng trưng cho môi trường sống và sự hiểu biết của con người.

- Câu chuyện trên để lại cho ta bài học về tính tự cao, tự đại và giá trị của sự hiểu biết. Tự cao tự đại có thể làm hại bản thân. Sự hiểu biết của con người là hữu hạn, vì vậy điều quan trọng nhất trong cuộc sống là phải luôn làm một học trò. Biết thường xuyên học hỏi và khiêm nhường.

Câu 4: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

Chị Phan Ngọc Thanh (người Việt) cùng chồng là Juae Geun (54 tuổi) đã làm nhân viên lau chùi trong khu chung cư được 5 năm. Họ có 2 con: con trai lớn 6 tuổi, bé gái 5 tuổi. Ước mơ đổi đời đã đưa họ lên chuyến phà tới Jeju. Phà SeWol gặp nạn và gia đình chị chỉ có một chiếc áo phao duy nhất. Trong khoảnh khắc đối mặt giữa sự sống và cái chết họ quyết định mặc chiếc áo phao duy nhất cho cô con gái nhỏ và đẩy bé ra khỏi phà. Bé được cứu sống nhưng hiện nay những nhân viên cứu hộ vẫn chưa tìm thấy người thân của bé.

(Web. Pháp luật đời sống. Ngày 16/4/2014)

1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

2. Nội dung của văn bản?

3. Suy nghĩ về hình ảnh cái phao trong văn bản?

Gợi ý:

1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí.

2. Văn bản trên nói về:

- Hoàn cảnh gia đình chị Thanh

- Lý do gia đình chị lên chuyến phà.

- Việc chìm phà Sewol (Hàn Quốc).

- Chiếc áo phao duy nhất cứu sống em bé của gia đình.

3. Có thể có nhiều suy nghĩ khác nhau:

- Ao phao trao sù sèng.

- Áo phao biểu tượng của tình yêu gia đình.

- Trước sự sống còn, tình yêu thương đã bừng sáng.

Câu 5: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

" Chưa bao giờ cô Tơ thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liễm kiết (kết tụ lại) cái u uất vào tận bên trong lòng người thẳm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết ra được. Nó là nỗi ủ kín bực dọc bưng bít. Nó giống như cái trạng huống thở than của một cảnh ngộ tri âm...Nó là niềm vang dội quằn quại của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ mành thưa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cỡ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lả lay nhào lìa của lá bỏ cành... Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím"

(Trích từ *Chùa đàn* - Nguyễn Tuân)

1. Hãy nêu chủ đề của đoạn trích? Thử đặt nhan đề đoạn trích?

2. Trong đoạn văn có rất nhiều câu bắt đầu bằng từ "*Nó"* được lặp lại nhiều lần. Biện pháp tu từ được sử dụng là gì? Tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

3. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu văn: "*Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian*" ? Tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

4. Từ "*Nó*" được sử dụng trong các câu ở đoạn văn trích trên là ám chỉ ai, cái gì? Biện pháp tu từ gì được nhà văn sử dụng trong việc nhắc lại từ "*Nó*"?

5. Trong đoạn văn, Nguyễn Tuân sử dụng rất nhiều tính từ chỉ tính chất. Anh/ chị hãy thống kê 5 từ láy chỉ tính chất.

Gợi ý:

1. - Chủ đề: Những sắc thái ngậm ngùi nỗi đau của tiếng đàn.

- Nhan đề: Cung bậc tiếng đàn .

2. - Biện pháp tu từ: Lặp cấu trúc (Điệp cấu trúc)

- Phép liên kết thế: Đại từ "*nó*" ở câu 3 thế *"tiếng đàn*" ở 2 câu trước đó.

3. - Biện pháp tu từ: cách nhân hóa

- Tác dụng: nhằm thể hiện âm thanh tiếng đàn như tiếng lòng của một cá thể có tâm trạng, nỗi niềm đau khổ...

4. - Từ "*Nó*" ám chỉ tiếng đàn

- Biện pháp tu từ: điệp từ

5. Chọn đúng 5 từ láy chỉ tính chất, trạng thái (mỗi từ chỉ được = 0,1đ; 3 - 4 từ: 0,25đ). Chỉ cho điểm 0,5 khi đảm bảo chọn đủ 5 từ.

Câu 6: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

Tại Thế vận hội đặc biệt dành cho những người tàn tật có chín vận động viên đều bị tổn thương về mặt thể chất và tinh thần, cùng tập trung về vạch xuất phát để dự cuộc thi

100m. Khi súng hiệu nổ, tất cả đều lao về vạch với quyết tâm giành chiến thắng. Trừ một cậu bé. Cậu cứ vấp ngã liên tục trên đường đua. Và cậu bật khóc. Tám người kia nghe tiếng khóc, giảm tốc độ, ngoái lại nhìn. Rồi họ quay trở lại. Tất cả, không trừ một ai! Một cô gái bị chứng down dịu dàng cúi xuống hôn cậu bé:

- Như thế này em sẽ thấy tốt hơn.

Rồi tất cả chín người họ khoác tay nhau sánh vai về đích. Tất cả khán giả trong sân vận động đều đứng dậy vỗ tay hoan hô không dứt.

Câu chuyện này đã lan truyền qua mỗi kì Thế vận hội về sau".

1. Khi cậu bé ngã, bật khóc có mấy vận động viên quay trở lại?
2. Từ câu chuyện trên hãy viết 3 bình luận về chiến thắng.

PHẦN 3: MỘT SỐ DẠNG ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1

Cho 2 văn bản sau:

Văn bản 1

"Sông Thương bắt nguồn từ dãy núi Na Pa Phước, làng Man, xã Vân Thuỷ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, chảy trong máng trũng Mai Sao - Chi Lăng và chảy vào địa phận tỉnh Bắc Giang. Sông chảy qua thành phố Bắc Giang (tên cũ là Phủ Lạng Thương) và điểm cuối là thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.... Sông Thương có chiều dài 157 km, diện tích lưu vực: 6.640 km². Giá trị vận tải được trên 64 km, từ Phả Lại, tỉnh Hải Dương đến thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang". (wikipedia.org)

Văn bản 2

"Mai đành xa sông Thương tóc dài
Vạn kiếp tình yêu anh gửi lại
Xuân ơi xuân... lẽ nào im lặng mãi
Hạ chưa về nhưng nắng đã Côn Sơn.

Mai đành xa sông Thương thật thương
Mắt nhớ một người, nước in một bóng
Mây trôi một chiều, chim kêu một giọng
Anh một mình náo động một mình anh."

(Sông Thương tóc dài – Hoàng Nhuận Cầm)

a. (1,0 điểm): Hai văn bản trên khác nhau như thế nào trên các phương diện sau: Loại văn bản, tình cảm, thái độ của tác giả, ngôn ngữ, biệp pháp nghệ thuật?

b. (1,0 điểm): Từ sự khác nhau đó, em hiểu như thế nào về đặc điểm ngôn ngữ trong một tác phẩm thơ?

Đề 2:

"...Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược."

(Trích ***Tuyên ngôn Độc lập*** - Hồ Chí Minh).

Đọc đoạn văn trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đoạn văn trên viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Vì sao?

2. Hãy nêu nội dung của đoạn trích.

3. Chỉ ra những dặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích trên và nêu hiệu quả của chúng.

Đề 3:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc
Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân.

Ơi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường,
Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại mẹ yêu thương.

(Trích *Tiếng hát con tàu* - Chế Lan Viên)

1. Nêu ý chính của đoạn thơ?

2. Ý nghĩa của từ, cụm từ "*máu rỏ",* "chín trái đầu xuân" trong đoạn thơ ?

3. Hãy cho biết hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh ở đoạn thơ thứ 2?

ĐÁP ÁN:

ĐỀ 1:

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	a	Đọc 02 văn bản và trả lời câu hỏi	2,0
		- **Sự khác biệt về văn bản**: Văn bản 01 là văn bản khoa học. Văn bản 02 là văn bản nghệ thuật.	0,25

		- **Tình cảm, thái độ của tác giả**: Văn bản 01 thái độ của tác giả là trung hòa, không biểu lộ. Văn bản 02 là văn bản nghệ thuật nên thái độ, tình cảm của tác giả thể hiện rõ: yêu thương, nuối tiếc, xao xuyến trước cuộc chia li.... - **Ngôn ngữ và biện pháp nghệ thuật**: Văn bản 1 sử dụng ngôn ngữ khoa học, văn bản 2 sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật. Văn bản 1 không sử dụng các biện pháp nghệ thuật. Văn bản 2 có sử dụng biện pháp nghệ thuật (Điệp từ, ẩn dụ...)	0,25 0,5
	b	- Ngôn ngữ nghệ thuật: ngôn ngữ trong các tác phẩm nghệ thuật, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người. - Ngôn ngữ nghệ thuật có các đặc điểm: Tính hình tượng với các biện pháp nghệ thuật như so sánh, ẩn dụ; Tính truyền cảm và tính cá thể hóa	0,5 0,5

Đề 2

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	1. - PCNN chính luận. 2. - Vì đoạn văn thể hiện quan điểm chính trị của người viết một cách công khai, dứt khoát. Đoạn văn có sử dụng nhiều thuật ngữ chính trị, hệ thống luận điểm chặt chẽ, giọng văn đanh thép, hùng hồn, giàu sức thuyết phục,... 2. Đoạn văn trên tố cáo tội ác của thực dân Pháp về mặt chính trị. 3. Đặc sắc nghệ thuật: Biệp pháp liệt kê, mỗi ý liệt kê viết thành một đoạn văn để tô đậm ấn tượng + điệp từ "chúng" + lặp cú pháp + ẩn dụ + ngôn ngữ giàu hình ảnh + dẫn chứng toàn diện, chi tiết tiêu biểu + giọng văn hùng hồn, đanh thép Hiệu quả nghệ thuật: làm nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, nhiều vô kể của thực dân Pháp.	0,25 0,25 0,5 0,5 0,5

Đề 3:

1. - Nêu ý chính của đoạn thơ? (*0.5 đ)*

Tây Bắc và cuộc kháng chiến mười năm có ý nghĩa lớn lao, vĩ đại, nhất là đối với các văn nghệ sĩ tiền chiến.

2. - Ý nghĩa từ "*máu rỏ": "chín trái đầu xuân*" trong đoạn thơ. ? (*0.5 đ)*

+ Ý nghĩa từ "*máu rỏ*": Chế Lan Viên nhớ Tây Bắc vì đây là nơi *"máu rỏ"*, tức là nơi mà ông và đồng đội đã từng chiến đấu.

+ Ý nghĩa của cụm từ: "chín trái đầu xuân" trong đoạn thơ: mảnh đất bị tàn phá ngày xưa đã tự hồi phục lại.

3. - Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh ở đoạn thơ thứ 2? (*1.0 đ)*

Nhớ về cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ gian khổ, nhà thơ lại xúc động, bồi hồi thổ lộ:

"Ơi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau còn đủ sức soi đường"

Tác giả tự ví cuộc kháng chiến rực rỡ, sục sôi như "ngọn lửa"- ngọn lửa niềm tin sắt đá của người chiến sĩ vào chiến thắng ngày mai, ngọn lửa yêu nước bừng cháy trong lòng của mỗi con người Việt Nam. Và sức mạnh của ngọn lửa đó đủ soi đường cho bao thế hệ mai sau, hệt như kim chỉ nam của chân lý lòng yêu nước.